Ngày dạy: 6A:……………………

 6B:……………………

 6C:……………………

 6D:…………………..

**Tiết 30**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 6**

**(Đề 1)**

(Thời gian thực hiện: 45')

**I. Mục tiêu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** | **Mục tiêu** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1. Trang phục và thời trang  | - Nhận biết được vai trò sự đa dạng của trang phục.- Biết được kiến thức cơ bản về thời trang.- Sử dụng bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.  | - Biết được những việc cần làm để bảo quản trang phục là.- Biết những việc bảo quản trang phục.- Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào.- Tạo cảm giác gầy đi cao lên ta cần chọn vải và kiểu dáng.- Áo vải hoa lên phối với loại quần vải nào sau đây.- Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?- Mặc đẹp là mặc như thế nào?Để có bộ trang phục đẹp cần. | -TNKQ | * Câu hỏi.

  |
| 2. Đồ dung điện trong gia đình  | 2. Nhận biết chức năng các bộ phận chính, nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dung điện trong gia đình.- Sử dụng được một số đồ dung điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm an toàn  |  - Biết được vật liệu làm sợi đốtcủa đèn sợi đốt**.****-** Biết được các loại đuôi đèn.- Biết cấu tạo đèn huỳnh quang - Biết được bộ phận sinh nhiệt nồi cơm điện là:- Biết được các loại bếp hồng ngoại.- Biết được cấu tạo bếp hồng ngoại.- Biết tác dụng nồi cơm điện.- Hiểu được sự tỏa nhiệt của một số loại đèn điện.- Hiểu được thông số kĩ thuật của đồ dung điện.- Hiểu được nguyên lí hoạt động của bếp hồng ngoại. | TNKQ – Thực hành | * Câu hỏi.
* Câu hỏi kết hợp

hình ảnh  |

**II. Hình thức kiểm tra:**

TNKQ 50% + THỰC HÀNH 50%

**III. Ma trận đề**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ****Tên****Chủ đề**(nội dung, chương…) | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| **Chủ đề 1****Trang phục và thời trang** | - Biết được những việc cần làm để bảo quản trang phục là.- Biết những việc bảo quản trang phục. | - Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào.- Tạo cảm giác gầy đi cao lên ta cần chọn vải và kiểu dáng.- Áo vải hoa lên phối với loại quần vải nào sau đây.- Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?- Mặc đẹp là mặc như thế nào?- Để có bộ trang phục đẹp cần. |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *2 (C3, C8)**0,5* |  | *6(1,2,4,5,6,7)**1,5* |  |  |  |  |  | **8****2****20%** |
| **Chủ đề 2****Đồ dùng điện trong gia đình** | - Biết được vật liệu làm sợi đốtcủa đèn sợi đốt**.****-** Biết được các loại đuôi đèn.- Biết cấu tạo đèn huỳnh quang - Biết được bộ phận sinh nhiệt nồi cơm điện là:- Biết được các loại bếp hồng ngoại.- Biết được cấu tạo bếp hồng ngoại.- Biết tác dụng nồi cơm điện. | - Hiểu được sự tỏa nhiệt của một số loại đèn điện.- Hiểu được thông số kĩ thuật của đồ dung điện.- Hiểu được nguyên lí hoạt động của bếp hồng ngoại. | - Đọc được các thông số kĩ thuật đồ dùng điện.- Chỉ ra được các bộ phận đèn sợi đốt. | - Giải thíchđược các thông số kĩ thuật đồ dùng điện.- Giải thíchđược chức năng các bộ phận đèn sợi đốt |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *7(C9,10,12,15,16,17,20)**1,75* |  | 5(C11,13,14,18,19)1,25 |  |  | 12,5 |  | 12,5 | 14880% |
| Tổng số câuTổng số điểm*Tỉ lệ %* | **9****2,25****22,5%** | **11****2,75****27,5%** | **2****5****50%** | **22****10****100%** |

**IV. Biên soạn câu hỏi theo ma trận.**

**Phần I** (TNKQ): Hãy khoanh vào những chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất *(mỗi ý đúng 0,25 điểm)*

**Câu 1:** Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào?

A. Khuôn mặt, lứa tuổi, mục đích sử dụng.

B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc, mốt thời trang.

C. Điều kiện tài chính, mốt thời trang.

D. Vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, mục đích sử dụng, sở thích, điều kiện làm việc, tài chính.

**Câu 2:** Tạo cảm giác gầy đi cao lên ta cần chọn vải và kiểu dáng.

1. Kiểu dáng bó sát, màu tối, kẻ dọc hoặc hoa nhỏ
2. Kiểu may thụng, màu sang, hoa to.
3. Kiểu may bó sát, màu sang, hoa to.
4. Kiểu thụng, màu tối, hoa nhỏ.

**Câu 3**: Những việc cần làm để bảo quản trang phục là:

1. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ.
2. Làm sạch cất giữ
3. Làm khô, là phẳng
4. Làm sach, cất giữ

**Câu 4**: Áo vải hoa lên phối với loại quần vải nào sau đây.

1. Vải kẻ ngan B. Vải kẻ dọc

C. Vải kẻ karoD.Vải trơn

**Câu 5:** Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?

A. Giáo dục                                                                         B. Phong cách

C. Văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học, công nghệ               D. Màu sắc

**Câu 6**: Mặc đẹp là mặc như thế nào?

1. Thật mốt
2. Đắt tiền
3. Phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, hoàn cảnh, cách sử dụng
4. May cầu kì, hợp thời trang

**Câu 7:** Để có bộ trang phục đẹp cần.

1. Chỉ cần có áo đẹp. B. Có quần áo đẹp và các phụ kiện đi kèm.

C. Có dày đẹp. D. Có quần và dày đẹp.

**Câu 8**: Bảo quản trang phục gồm những công việc:

1. Giặt, là. B. Giặt, cất giữ.

C. Giặt, phơi. D. Giặt, phơi, là, cất giữ

**Câu 9:** Chọn phương án đúng khi nói về sợi đốt.

1. Có lò xo xoắn
2. Thường làm bằng wolfram.
3. Là bộ phận quan trọng của đèn.
4. Có lò xo xoắn, thường làm bằng wolfram, là bộ phận quan trọng của đèn .

**Câu 10:** Đuôi đèn có mấy loại

1. 1; B: 2 ; C: 3; D: 4

**Câu 11:** Loại đèn nào tỏa nhiệt ít nhất:

1. Đèn sợi đốt. B. Đèn huỳnh quang.

C. Đèn LED D. Đèn compact

**Câu 12:** Cấu tạo đèn huỳnh quang gồm mấy bộ phận.

1. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 13**: Một quạt điện có thông số kĩ thuật 220V- 45 W. Cách đọc nào sau đây đúng.

1. Điện áp định mức 220 V- Công suất định mức 45 W
2. Điện áp định mức 45V- Công suất định mức 220 W
3. Điện áp định mức 220 W- Công suất ddingj mức 45 V
4. Điện áp 45 W- Công suất 45 V

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **Sai?**

1. Chọn nồi cơm điện phù hợp dựa vào dung tích định mức.
2. Cần sử dụng đúng điện áp định mức của nồi cơm điện.
3. Sử dụng nồi cơm điện không tiết kiệm điện năng bằng bếp điện.
4. Cần đặt nồi cơm điện nơi khô ráo.

**Câu: 15**: “….” sẽ giúp cơm luôn ấm sau khi nấu xong. Từ còn thiếu là.

1. Bếp điện B. Bếp gas

C. Bếp hồng ngoại D. Nồi cơm điện

**Câu 16:** Bộ phận sinh nhiệt nồi cơm điện là:

1. Mâm nhiệt B. Nắp nồi

C. Bộ phận điều khiển D. Nắp nồi và bộ phận điều khiển

**Câu 17:** Bếp hồng ngoại đôi gồm:

1. Bếp có một vùng nấu. B. Bếp có hai vùng nấu.

C. Bếp có ba vùng nấu. D. Bếp có bốn vùng nấu.

**Câu 18:** Thông số kĩ thuật của bếp hồng ngoại

1. Điện áp định mức, B. Công suất định mức.

C. Cường độ dòng điện. D. Điện áp định mức, công suất định mức.

**Câu 19:** Lưu ý khi sử dụng bếp hồng ngoại.

1. An toàn về điện và nhiệt, Sử dụng đúng điện áp định mức, Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.
2. Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.
3. Sử dụng đúng điện áp định mức, Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.
4. An toàn về điện và nhiệt, Sử dụng đúng điện áp định mức.

**Câu 20:** Bếp hồng ngoại gồm mấy bộ phận chính.

1. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Phần II. Thực hành:**

**Câu 21:** *(3 điểm)* Hãy nêu ý nghĩa các thông số kỹ thuật ghi trên một số đồ dùng điện dưới đây:



**Câu 22**: *(2 điểm)* Quan sát hình, ghi tên các bộ phận chính của đèn sợi đốt và cho biết chức năng của từng bộ phận đó.

**V. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm.**

**1. Phần trắc nghiệm khách quan.** *(Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | D | A | A | D | C | C | B | D | D | B |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | C | A | A | C | D | A | B | D | A | B |

###### **2. Phần tự luận.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí (Nội dung)** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chí 1:** Đọc được số liệu kĩ thuật  | Đọc được một thông số kĩ thuật của đồ dung điện  | Đọc được một thông số kĩ thuật của đồ dung điện | Đọc được hết thông số kĩ thuật của đồ dung điện |
| ***Điểm tiêu chí 1,5*** | 0,5đ  | 1đ  | 1,5 |
| **Tiêu chí 2:** Nêu được ý nghĩa của các thông số kĩ thuật đồ dung điện  | Nêu được ý nghĩa của một thông số kĩ thuật đồ dung điện | Nêu được ý nghĩa của hai thông số kĩ thuật đồ dung điện | Nêu được ý nghĩa của ba thông số kĩ thuật đồ dung điện |
| ***Điểm tiêu chí 1,5***  | 0,5đ | 1đ  | 1,5 |
| **Tổng điểm câu 1**  | **1 đ**  | **2 đ**  | **3 đ**  |
| **Tiêu chí 1:** Đọc tên các bộ phận chính của đèn sợi đốt  | Đọc tên một bộ phận chính của đèn sợi đốt  | Đọc tên hai bộ phận chính của đèn sợi đốt  | Đọc tên đủ các bộ phận chính của đèn sợi đốt  |
| ***Điểm tiêu chí 1*** | 0,25 đ  | 0,5 đ  | 1 đ  |
| **Tiêu chí 2:** Chức năng của từng bộ phận đèn sợi đốt | Nêu được chức năng của một bộ phận đèn sợi đốt | Nêu được chức năng của hai bộ phận đèn sợi đốt | Nêu được chức năng đủ các bộ phận đèn sợi đốt |
| ***Điểm tiêu chí 2*** | 0,25 đ  | 0,5 đ  | 1 đ  |
| **Tổng điểm câu 2**  | **0,5 đ**  | **1 đ**  | **2đ**  |
| **Tổng điểm 2 câu thực hành**  | **1,5 đ**  | **3,0 đ**  | **5,0 đ**  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày tháng 4 năm 2022***KÍ THẨM ĐỊNH ĐỀ** | *Ngày 10 tháng 4 năm 2022***NGƯỜI RA ĐỀ*****Nguyễn Thanh Bình*** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên : .....................................Lớp ......

|  |  |
| --- | --- |
| **Kí ra đề** | **Kí duyệt đề** |
|  |  |

 | *Thứ ngày tháng năm 2022***KIỂM TRA CUỐI KÌ II****Môn: Công nghệ 6****Đề 1**Thời gian 45 phút  |

 Điểm Lời phê của thầy, cô giáo

**ĐỀ BÀI**

**Phần I** (TNKQ): Hãy khoanh vào những chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất *(mỗi ý đúng 0,25 điểm)*

**Câu 1:** Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào?

A. Khuôn mặt, lứa tuổi, mục đích sử dụng.

B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc, mốt thời trang.

C. Điều kiện tài chính, mốt thời trang.

D. Vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, mục đích sử dụng, sở thích, điều kiện làm việc, tài chính.

**Câu 2:** Tạo cảm giác gầy đi cao lên ta cần chọn vải và kiểu dáng.

A. Kiểu dáng bó sát, màu tối, kẻ dọc hoặc hoa nhỏ

B. Kiểu may thụng, màu sang, hoa to.

C. Kiểu may bó sát, màu sang, hoa to.

D. Kiểu thụng, màu tối, hoa nhỏ.

**Câu 3**: Những việc cần làm để bảo quản trang phục là:

A. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ.

B. Làm sạch cất giữ

C. Làm khô, là phẳng

D. Làm sach, cất giữ

**Câu 4**: Áo vải hoa lên phối với loại quần vải nào sau đây.

A. Vải kẻ ngan B. Vải kẻ dọc

C. Vải kẻ karoD.Vải trơn

**Câu 5:** Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?

A. Giáo dục                                                                         B. Phong cách

C. Văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học, công nghệ               D. Màu sắc

**Câu 6**: Mặc đẹp là mặc như thế nào?

A. Thật mốt

B. Đắt tiền

C. Phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, hoàn cảnh, cách sử dụng

D. May cầu kì, hợp thời trang

**Câu 7:** Để có bộ trang phục đẹp cần.

1. Chỉ cần có áo đẹp. B. Có quần áo đẹp và các phụ kiện đi kèm.

C. Có dày đẹp. D. Có quần và dày đẹp.

**Câu 8**: Bảo quản trang phục gồm những công việc:

A. Giặt, là. B. Giặt, cất giữ.

C. Giặt, phơi. D. Giặt, phơi, là, cất giữ

**Câu 9:** Chọn phương án đúng khi nói về sợi đốt.

A. Có lò xo xoắn

B. Thường làm bằng wolfram.

C. Là bộ phận quan trọng của đèn.

D. Có lò xo xoắn, thường làm bằng wolfram, là bộ phận quan trọng của đèn .

**Câu 10:** Đuôi đèn có mấy loại

A. 1; B: 2 ; C: 3; D: 4

**Câu 11:** Loại đèn nào tỏa nhiệt ít nhất:

A. Đèn sợi đốt. B. Đèn huỳnh quang.

C. Đèn LED D. Đèn compact

**Câu 12:** Cấu tạo đèn huỳnh quang gồm mấy bộ phận.

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 13**: Một quạt điện có thông số kĩ thuật 220V- 45 W. Cách đọc nào sau đây đúng.

A. Điện áp định mức 220 V- Công suất định mức 45 W

B. Điện áp định mức 45V- Công suất định mức 220 W

C. Điện áp định mức 220 W- Công suất ddingj mức 45 V

D. Điện áp 45 W- Công suất 45 V

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **Sai?**

A. Chọn nồi cơm điện phù hợp dựa vào dung tích định mức.

B. Cần sử dụng đúng điện áp định mức của nồi cơm điện.

C. Sử dụng nồi cơm điện không tiết kiệm điện năng bằng bếp điện.

D. Cần đặt nồi cơm điện nơi khô ráo.

**Câu: 15**: “….” sẽ giúp cơm luôn ấm sau khi nấu xong. Từ còn thiếu là.

A. Bếp điện B. Bếp gas

C. Bếp hồng ngoại D. Nồi cơm điện

**Câu 16:** Bộ phận sinh nhiệt nồi cơm điện là:

A. Mâm nhiệt B. Nắp nồi

C. Bộ phận điều khiển D. Nắp nồi và bộ phận điều khiển

**Câu 17:** Bếp hồng ngoại đôi gồm:

A. Bếp có một vùng nấu. B. Bếp có hai vùng nấu.

C. Bếp có ba vùng nấu. D. Bếp có bốn vùng nấu.

**Câu 18:** Thông số kĩ thuật của bếp hồng ngoại

A. Điện áp định mức, B. Công suất định mức.

C. Cường độ dòng điện. D. Điện áp định mức, công suất định mức.

**Câu 19:** Lưu ý khi sử dụng bếp hồng ngoại.

A. An toàn về điện và nhiệt, Sử dụng đúng điện áp định mức, Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

B. Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

C. Sử dụng đúng điện áp định mức, Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

D. An toàn về điện và nhiệt, Sử dụng đúng điện áp định mức.

**Câu 20:** Bếp hồng ngoại gồm mấy bộ phận chính.

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Phần II. Thực hành:**

**Câu 21:** *(3 điểm)* Hãy nêu ý nghĩa các thông số kỹ thuật ghi trên một số đồ dùng điện dưới đây:



**Câu 22**: *(2 điểm)* Quan sát hình, ghi tên các bộ phận chính của đèn sợi đốt và cho biết chức năng của từng bộ phận đó.

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Ngày dạy: 6A:……………………

 6B:……………………

 6C:……………………

 6D:…………………..

**Tiết 30**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: CÔNG NGHỆ 6**

**(Đề 2)**

(Thời gian thực hiện: 45')

**I. Mục tiêu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** | **Mục tiêu** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1. Trang phục và thời trang  | - Nhận biết được vai trò sự đa dạng của trang phục.- Biết được kiến thức cơ bản về thời trang.- Sử dụng bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.  | - Biết được những việc cần làm để bảo quản trang phục là.- Biết những việc bảo quản trang phục.- Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào.- Tạo cảm giác gầy đi cao lên ta cần chọn vải và kiểu dáng.- Áo vải hoa lên phối với loại quần vải nào sau đây.- Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?- Mặc đẹp là mặc như thế nào?Để có bộ trang phục đẹp cần. | -TNKQ | * Câu hỏi.

  |
| 2. Đồ dung điện trong gia đình  | 2. Nhận biết chức năng các bộ phận chính, nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dung điện trong gia đình.- Sử dụng được một số đồ dung điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm an toàn  |  - Biết được vật liệu làm sợi đốtcủa đèn sợi đốt**.****-** Biết được các loại đuôi đèn.- Biết cấu tạo đèn huỳnh quang - Biết được bộ phận sinh nhiệt nồi cơm điện là:- Biết được các loại bếp hồng ngoại.- Biết được cấu tạo bếp hồng ngoại.- Biết tác dụng nồi cơm điện.- Hiểu được sự tỏa nhiệt của một số loại đèn điện.- Hiểu được thông số kĩ thuật của đồ dung điện.- Hiểu được nguyên lí hoạt động của bếp hồng ngoại. | TNKQ – Thực hành | * Câu hỏi.
* Câu hỏi kết hợp

hình ảnh  |

**II. Hình thức kiểm tra:**

TNKQ 50% + THỰC HÀNH 50%

**III. Ma trận đề**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ****Tên****Chủ đề**(nội dung, chương…) | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| **Chủ đề 1****Trang phục và thời trang** | - Biết được những việc cần làm để bảo quản trang phục là.- Biết những việc bảo quản trang phục. | - Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào.- Tạo cảm giác gầy đi cao lên ta cần chọn vải và kiểu dáng.- Áo vải hoa lên phối với loại quần vải nào sau đây.- Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?- Mặc đẹp là mặc như thế nào?- Để có bộ trang phục đẹp cần. |  |  |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *2 (C3, C8)**0,5* |  | *6(1,2,4,5,6,7)**1,5* |  |  |  |  |  | **8****2****20%** |
| **Chủ đề 2****Đồ dùng điện trong gia đình** | - Biết được vật liệu làm sợi đốtcủa đèn sợi đốt**.****-** Biết được các loại đuôi đèn.- Biết cấu tạo đèn huỳnh quang - Biết được bộ phận sinh nhiệt nồi cơm điện là:- Biết được các loại bếp hồng ngoại.- Biết được cấu tạo bếp hồng ngoại.- Biết tác dụng nồi cơm điện. | - Hiểu được sự tỏa nhiệt của một số loại đèn điện.- Hiểu được thông số kĩ thuật của đồ dung điện.- Hiểu được nguyên lí hoạt động của bếp hồng ngoại. | - Đọc được các thông số kĩ thuật đồ dùng điện.- Chỉ ra được các bộ phận đèn sợi đốt. | - Giải thíchđược các thông số kĩ thuật đồ dùng điện.- Giải thíchđược chức năng các bộ phận đèn sợi đốt |  |
| *Số câu**Số điểm* *Tỉ lệ %* | *7(C9,10,12,15,16,17,20)**1,75* |  | 5(C11,13,14,18,19)1,25 |  |  | 12,5 |  | 12,5 | 14880% |
| Tổng số câuTổng số điểm*Tỉ lệ %* | **9****2,25****22,5%** | **11****2,75****27,5%** | **2****5****50%** | **22****10****100%** |

**IV. Biên soạn câu hỏi theo ma trận.**

**Phần I** (TNKQ): Hãy khoanh vào những chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất *(mỗi ý đúng 0,25 điểm)*

**Câu 1.**Khi lựa chọn trang phục cần lưu ý điểm gì?

A. Đặc điểm trang phục

B. Vóc dáng cơ thể

C. Đặc điểm trang phục và vóc dáng cơ thể

D. Đáp án khác

**Câu 2.** Phong cách dân gian:

A. mang vẻ hiện đại

B. đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc

C. vừa mang vẻ đẹp hiện đại, vừa đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc.

D. cổ hủ, lỗi thời.

**Câu 3.**Kí hiệu đơn vị của điện áp định mức là:

A. V                               B. W

C. KW                            D. MW

**Câu 4.**Đặc điểm của bóng đèn compact là:

A. khả năng phát sáng cao

B. tuổi thọ thấp

C. ánh sáng có hại cho mắt

D. khả năng phát sáng thấp

**Câu 5:** Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào?

A. Khuôn mặt, lứa tuổi, mục đích sử dụng.

B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc, mốt thời trang.

C. Điều kiện tài chính, mốt thời trang.

D. Vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, mục đích sử dụng, sở thích, điều kiện làm việc, tài chính.

**Câu 6:** Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?

A. Giáo dục                                                                         B. Phong cách

C. Văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học, công nghệ               D. Màu sắc

**Câu 7:** Để có bộ trang phục đẹp cần.

1. Chỉ cần có áo đẹp. B. Có quần áo đẹp và các phụ kiện đi kèm.

C. Có dày đẹp. D. Có quần và dày đẹp.

**Câu 8**: Bảo quản trang phục gồm những công việc:

A. Giặt, là. B. Giặt, cất giữ.

C. Giặt, phơi. D. Giặt, phơi, là, cất giữ

**Câu 9:** Chọn phương án đúng khi nói về sợi đốt.

A. Có lò xo xoắn

B. Thường làm bằng wolfram.

C. Là bộ phận quan trọng của đèn.

D. Có lò xo xoắn, thường làm bằng wolfram, là bộ phận quan trọng của đèn .

**Câu 10:** Đuôi đèn có mấy loại

A. 1; B: 2 ; C: 3; D: 4

**Câu 11:** Loại đèn nào tỏa nhiệt ít nhất:

A. Đèn sợi đốt. B. Đèn huỳnh quang.

C. Đèn LED D. Đèn compact

**Câu 12:** Cấu tạo đèn huỳnh quang gồm mấy bộ phận.

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 13**: Một quạt điện có thông số kĩ thuật 220V- 45 W. Cách đọc nào sau đây đúng.

A. Điện áp định mức 220 V- Công suất định mức 45 W

B. Điện áp định mức 45V- Công suất định mức 220 W

C. Điện áp định mức 220 W- Công suất ddingj mức 45 V

D. Điện áp 45 W- Công suất 45 V

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **Sai?**

A. Chọn nồi cơm điện phù hợp dựa vào dung tích định mức.

B. Cần sử dụng đúng điện áp định mức của nồi cơm điện.

C. Sử dụng nồi cơm điện không tiết kiệm điện năng bằng bếp điện.

D. Cần đặt nồi cơm điện nơi khô ráo.

**Câu: 15**: “….” sẽ giúp cơm luôn ấm sau khi nấu xong. Từ còn thiếu là.

A. Bếp điện B. Bếp gas

C. Bếp hồng ngoại D. Nồi cơm điện

**Câu 16:** Bộ phận sinh nhiệt nồi cơm điện là:

A. Mâm nhiệt B. Nắp nồi

C. Bộ phận điều khiển D. Nắp nồi và bộ phận điều khiển

**Câu 17:** Bếp hồng ngoại đôi gồm:

A. Bếp có một vùng nấu. B. Bếp có hai vùng nấu.

C. Bếp có ba vùng nấu. D. Bếp có bốn vùng nấu.

**Câu 18:** Thông số kĩ thuật của bếp hồng ngoại

A. Điện áp định mức, B. Công suất định mức.

C. Cường độ dòng điện. D. Điện áp định mức, công suất định mức.

**Câu 19:** Lưu ý khi sử dụng bếp hồng ngoại.

A. An toàn về điện và nhiệt, Sử dụng đúng điện áp định mức, Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

B. Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

C. Sử dụng đúng điện áp định mức, Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

D. An toàn về điện và nhiệt, Sử dụng đúng điện áp định mức.

**Câu 20:** Bếp hồng ngoại gồm mấy bộ phận chính.

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Phần II. Tự luận:**

**Câu 21 (3 điểm):**

a. Thời trang là gì? Có những phong cách thời trang nào?

b. Em thích phong cách thời trang nào? Vì sao?

**Câu 22 ( 2 điểm):**

a. Một bóng đèn sợi đốt có thông số: 220 V – 75 W. Hãy cho biết ý nghĩa của thông số đó.

b. Nồi cơm điện nhà em có dung tích bao nhiêu, thực hiện được những chức năng gì?

**V. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm.**

**1. Phần trắc nghiệm khách quan.** *(Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | C | C | A | A | D | C | B | D | D | B |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | C | A | A | C | D | A | B | D | A | B |

###### **2. Phần tự luận.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí (Nội dung)** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chí 1:** Đọc được số liệu kĩ thuật  | Đọc được một thông số kĩ thuật của đồ dung điện  | Đọc được một thông số kĩ thuật của đồ dung điện | Đọc được hết thông số kĩ thuật của đồ dung điện |
| ***Điểm tiêu chí 1,5*** | 0,5đ  | 1đ  | 1,5 |
| **Tiêu chí 2:** Nêu được ý nghĩa của các thông số kĩ thuật đồ dung điện  | Nêu được ý nghĩa của một thông số kĩ thuật đồ dung điện | Nêu được ý nghĩa của hai thông số kĩ thuật đồ dung điện | Nêu được ý nghĩa của ba thông số kĩ thuật đồ dung điện |
| ***Điểm tiêu chí 1,5***  | 0,5đ | 1đ  | 1,5 |
| **Tổng điểm câu 1**  | **1 đ**  | **2 đ**  | **3 đ**  |
| **Tiêu chí 1:** Đọc tên các bộ phận chính của đèn sợi đốt  | Đọc tên một bộ phận chính của đèn sợi đốt  | Đọc tên hai bộ phận chính của đèn sợi đốt  | Đọc tên đủ các bộ phận chính của đèn sợi đốt  |
| ***Điểm tiêu chí 1*** | 0,25 đ  | 0,5 đ  | 1 đ  |
| **Tiêu chí 2:** Chức năng của từng bộ phận đèn sợi đốt | Nêu được chức năng của một bộ phận đèn sợi đốt | Nêu được chức năng của hai bộ phận đèn sợi đốt | Nêu được chức năng đủ các bộ phận đèn sợi đốt |
| ***Điểm tiêu chí 2*** | 0,25 đ  | 0,5 đ  | 1 đ  |
| **Tổng điểm câu 2**  | **0,5 đ**  | **1 đ**  | **2đ**  |
| **Tổng điểm 2 câu thực hành**  | **1,5 đ**  | **3,0 đ**  | **5,0 đ**  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày tháng 4 năm 2022***KÍ THẨM ĐỊNH ĐỀ** | *Ngày 10 tháng 4 năm 2022***NGƯỜI RA ĐỀ*****Nguyễn Thanh Bình*** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên : .....................................Lớp ......

|  |  |
| --- | --- |
| **Kí ra đề** | **Kí duyệt đề** |
|  |  |

 | *Thứ ngày tháng năm 2022***KIỂM TRA CUỐI KÌ II****Môn: Công nghệ 6****Đề 2**Thời gian 45 phút  |

 Điểm Lời phê của thầy, cô giáo

**ĐỀ BÀI**

**Phần I** (TNKQ): Hãy khoanh vào những chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất *(mỗi ý đúng 0,25 điểm)*

**Câu 1.**Khi lựa chọn trang phục cần lưu ý điểm gì?

A. Đặc điểm trang phục

B. Vóc dáng cơ thể

C. Đặc điểm trang phục và vóc dáng cơ thể

D. Đáp án khác

**Câu 2.** Phong cách dân gian:

A. mang vẻ hiện đại

B. đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc

C. vừa mang vẻ đẹp hiện đại, vừa đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc.

D. cổ hủ, lỗi thời.

**Câu 3.**Kí hiệu đơn vị của điện áp định mức là:

A. V                               B. W

C. KW                            D. MW

**Câu 4.**Đặc điểm của bóng đèn compact là:

A. khả năng phát sáng cao

B. tuổi thọ thấp

C. ánh sáng có hại cho mắt

D. khả năng phát sáng thấp

**Câu 5:** Việc lựa chọn trang phục cần dựa trên những yếu tố nào?

A. Khuôn mặt, lứa tuổi, mục đích sử dụng.

B. Lứa tuổi, điều kiện làm việc, mốt thời trang.

C. Điều kiện tài chính, mốt thời trang.

D. Vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, mục đích sử dụng, sở thích, điều kiện làm việc, tài chính.

**Câu 6:** Các yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến sự thay đổi của thời trang?

A. Giáo dục                                                                          B. Phong cách

C. Văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học, công nghệ               D. Màu sắc

**Câu 7:** Để có bộ trang phục đẹp cần.

A. Chỉ cần có áo đẹp. B. Có quần áo đẹp và các phụ kiện đi kèm.

C. Có dày đẹp. D. Có quần và dày đẹp.

**Câu 8**: Bảo quản trang phục gồm những công việc:

A. Giặt, là. B. Giặt, cất giữ.

C. Giặt, phơi. D. Giặt, phơi, là, cất giữ

**Câu 9:** Chọn phương án đúng khi nói về sợi đốt.

A. Có lò xo xoắn

B. Thường làm bằng wolfram.

C. Là bộ phận quan trọng của đèn.

D. Có lò xo xoắn, thường làm bằng wolfram, là bộ phận quan trọng của đèn .

**Câu 10:** Đuôi đèn có mấy loại

A. 1; B: 2 ; C: 3; D: 4

**Câu 11:** Loại đèn nào tỏa nhiệt ít nhất:

A. Đèn sợi đốt. B. Đèn huỳnh quang.

C. Đèn LED D. Đèn compact

**Câu 12:** Cấu tạo đèn huỳnh quang gồm mấy bộ phận.

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 13**: Một quạt điện có thông số kĩ thuật 220V- 45 W. Cách đọc nào sau đây đúng.

A. Điện áp định mức 220 V- Công suất định mức 45 W

B. Điện áp định mức 45V- Công suất định mức 220 W

C. Điện áp định mức 220 W- Công suất ddingj mức 45 V

D. Điện áp 45 W- Công suất 45 V

**Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **Sai?**

A. Chọn nồi cơm điện phù hợp dựa vào dung tích định mức.

B. Cần sử dụng đúng điện áp định mức của nồi cơm điện.

C. Sử dụng nồi cơm điện không tiết kiệm điện năng bằng bếp điện.

D. Cần đặt nồi cơm điện nơi khô ráo.

**Câu: 15**: “….” sẽ giúp cơm luôn ấm sau khi nấu xong. Từ còn thiếu là.

A. Bếp điện B. Bếp gas

C. Bếp hồng ngoại D. Nồi cơm điện

**Câu 16:** Bộ phận sinh nhiệt nồi cơm điện là:

A. Mâm nhiệt B. Nắp nồi

C. Bộ phận điều khiển D. Nắp nồi và bộ phận điều khiển

**Câu 17:** Bếp hồng ngoại đôi gồm:

A. Bếp có một vùng nấu. B. Bếp có hai vùng nấu.

C. Bếp có ba vùng nấu. D. Bếp có bốn vùng nấu.

**Câu 18:** Thông số kĩ thuật của bếp hồng ngoại

A. Điện áp định mức, B. Công suất định mức.

C. Cường độ dòng điện. D. Điện áp định mức, công suất định mức.

**Câu 19:** Lưu ý khi sử dụng bếp hồng ngoại.

A. An toàn về điện và nhiệt, Sử dụng đúng điện áp định mức, Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

B. Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

C. Sử dụng đúng điện áp định mức, Không để thức ăn, nước rơi vào bếp, thường xuyên lau chùi bếp.

D. An toàn về điện và nhiệt, Sử dụng đúng điện áp định mức.

**Câu 20:** Bếp hồng ngoại gồm mấy bộ phận chính.

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

**Phần II. Tự luận:**

**Câu 21 (3 điểm):**

a. Thời trang là gì? Có những phong cách thời trang nào?

b. Em thích phong cách thời trang nào? Vì sao?

**Câu 22 ( 2 điểm):**

a. Một bóng đèn sợi đốt có thông số: 220 V – 75 W. Hãy cho biết ý nghĩa của thông số đó.

b. Nồi cơm điện nhà em có dung tích bao nhiêu, thực hiện được những chức năng gì?

**Bài làm**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………